

Luật số: /20.../QH

DỰ THẢO

LUẬT
DÂN SỐ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Dân số.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về: Biện pháp duy trì mức sinh thay thế; biện pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; một số biện pháp thích ứng với già hóa dân số, dân số già; một số biện pháp nâng cao chất lượng dân số; truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; các điều kiện bảo đảm thực hiện công tác dân số.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Dân số* là tập hợp người sinh sống trong một quốc gia, khu vực, vùng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính.
- Chất lượng dân số* là sự phản ánh các đặc trưng về thể chất, trí tuệ và tinh thần của toàn bộ dân số.
- Mức sinh thay thế* là mức sinh mà bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có hai con.
- Tỷ số giới tính khi sinh* được tính bằng số bé trai sinh ra sống so với 100 bé gái sinh ra sống trong cùng thời kỳ.
- Mất cân bằng giới tính khi sinh* là khi tỷ số giới tính khi sinh không nằm trong mức cân bằng tự nhiên.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công tác dân số

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong lĩnh vực dân số.
- Bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng giới và đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình trong công tác dân số.
- Bảo đảm cân bằng, hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ dân số, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

4. Lồng ghép các yếu tố dân số và bình đẳng giới vào chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

Điều 4. Ngày Dân số Việt Nam, Tháng hành động Quốc gia về Dân số

1. Ngày Dân số Việt Nam là ngày 26 tháng 12 hằng năm.
2. Tháng hành động Quốc gia về Dân số là tháng 12 hằng năm.
3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Tháng hành động Quốc gia về Dân số, Ngày Dân số Việt Nam.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc sinh con

1. Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cặp vợ chồng, cá nhân trên cơ sở bình đẳng.
2. Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh và thực hiện các biện pháp khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tuyên truyền, phổ biến hoặc đưa ra những thông tin có nội dung trái với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ảnh hưởng xấu đến công tác dân số.
2. Cản trở việc vận động, tuyên truyền, phổ biến thông tin, tư vấn về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.
3. Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức trù trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật này.
4. Cưỡng bức, ép buộc, khuyến khích, động viên, tư vấn việc phá thai vì lý do giới tính.
5. Kỳ thị, phân biệt đối xử trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.
6. Nhân bản người vô tính.

Chương II

TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

Điều 7. Mục đích, yêu cầu trong truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

1. Truyền thông, vận động, giáo dục về dân số nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận và ủng hộ tích cực của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số, xoá bỏ định kiến về giới tính.
2. Việc truyền thông, vận động, giáo dục về dân số phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) Chính xác, kịp thời, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;
- b) Phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo, đạo đức xã hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán;
- c) Phù hợp với đặc điểm của từng địa bàn, từng loại đối tượng được truyền thông, vận động, giáo dục về dân số;

Điều 8. Nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

1. Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển.
2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số.
3. Ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; thích ứng với già hoá dân số, dân số già; tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.
4. Thúc đẩy vai trò và sự tham gia của nam giới trong việc xóa bỏ định kiến về giới, nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và cộng đồng.

Điều 9. Đối tượng và trách nhiệm truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền được tiếp nhận thông tin, giáo dục, truyền thông về dân số và tham gia truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.
2. Ưu tiên tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông cho các đối tượng sau đây:
 - a) Người chưa thành niên, thanh niên;
 - b) Người trong độ tuổi sinh đẻ;
 - c) Người cao tuổi;
 - d) Người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ cao mắc các bệnh truyền nhiễm;
 - đ) Người dân tộc thiểu số; người cư trú tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
3. Cơ quan quản lý nhà nước về dân số có trách nhiệm xây dựng chương trình, nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện công tác dân số.
4. Các cơ quan thông tin tuyên truyền có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dân số. Nội dung và hình thức tuyên truyền theo quy định tại Điều 08 và Điều 10 Luật này.

Điều 10. Hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

1. Truyền thông trực tiếp của cộng tác viên dân số; báo cáo viên, tuyên truyền viên các ngành.

2. Trên phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở, mạng Internet, ứng dụng trên thiết bị di động thông minh và các loại sản phẩm truyền thông, công nghệ số.

3. Chiến dịch truyền thông; sự kiện truyền thông; cuộc thi về dân số.

4. Lòng ghép trong hoạt động công tác gia đình, văn hóa, nghệ thuật, thể thao và thiết chế văn hóa của cộng đồng; hoạt động sinh hoạt tập thể.

5. Lòng ghép thông qua các cơ sở giáo dục quốc dân, tại gia đình, cộng đồng và xã hội.

6. Lòng ghép trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

7. Mô hình can thiệp truyền thông, tư vấn trực tiếp.

Chương III

BIỆN PHÁP DUY TRÌ MỨC SINH THAY THẾ VÀ GIẢM THIỂU MẤT CÂN BẰNG GIỚI TÍNH KHI SINH

Điều 11. Biện pháp duy trì mức sinh thay thế

1. Ưu đãi về chế độ nghỉ thai sản:

a) Nghỉ thêm 01 tháng ngoài thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản;

b) Nghỉ thêm 05 ngày làm việc ngoài thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi vợ sinh con.

2. Ưu đãi về tài chính:

a) Chi hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật khi phụ nữ sinh con, sinh đủ 02 con, sinh đủ 02 con trước 35 tuổi;

b) Chi hỗ trợ sinh hoạt phí;

c) Mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

3. Hỗ trợ chi phí ăn đối với trẻ em học mầm non.

4. Hỗ trợ cho phụ nữ mang thai, sinh con trong sàng lọc trước sinh và sơ sinh quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này.

5. Miễn, giảm chi phí khám thai định kỳ.

6. Căn cứ tình trạng mức sinh của từng thời kỳ:

a) Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định áp dụng một hoặc đồng thời các biện pháp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Chính quyền địa phương cấp tỉnh có mức sinh thấp ban hành quyết định áp dụng các biện pháp khác ngoài các biện pháp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này;

c) Chính phủ thực hiện hỗ trợ theo mục tiêu để đảm bảo duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi toàn quốc.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định bổ sung các biện pháp duy trì mức sinh thay thế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng thời kỳ.

Điều 12. Biện pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

1. Đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Đình chỉ có thời hạn đối với người hành nghề y có hành vi công bố, thông báo, tiết lộ thông tin về giới tính thai nhi cho khách hàng trừ trường hợp xác định giới tính phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh di truyền liên quan đến giới tính theo quy định của Bộ Y tế.

3. Ưu đãi tài chính hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật với gia đình sinh con một bé, có hai con gái.

4. Căn cứ tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh từng thời kỳ:

a) Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định áp dụng biện pháp quy định tại khoản 3 Điều này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Chính phủ thực hiện hỗ trợ theo mục tiêu để giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh trên phạm vi toàn quốc;

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và quy định bổ sung các biện pháp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng thời kỳ.

Chương IV

MỘT SỐ BIỆN PHÁP THÍCH ỨNG VỚI GIÀ HOÁ DÂN SỐ, DÂN SỐ GIÀ

Điều 13. Xây dựng và phát triển cơ sở hỗ trợ, chăm sóc người cao tuổi

1. Xây dựng và phát triển cơ sở hỗ trợ, chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng, hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại nhà gồm:

a) Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe tại nhà;

b) Phát triển các cơ sở hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng gồm: Tổ chức các địa điểm để tăng cường sự giao lưu, giao tiếp cho người cao tuổi tại các khu dân cư; tổ chức, phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi theo quy định tại Điều 20 Luật Người cao tuổi, trường hợp có cung cấp dịch vụ y tế phải đáp ứng các điều kiện theo pháp luật khám bệnh, chữa bệnh.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Biện pháp phát triển nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi

1. Cấp học bổng:

a) Cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học chuyên ngành lão khoa tại cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe của Nhà nước;

b) Cấp học bổng chính sách cho người học chuyên ngành lão khoa là người đang làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Hỗ trợ đối với người học chuyên ngành lão khoa:

a) Hỗ trợ toàn bộ học phí và hỗ trợ chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học nếu học tại cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe của Nhà nước;

b) Hỗ trợ tiền đóng học phí và hỗ trợ chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học tương ứng với mức quy định tại điểm a khoản này nếu học tại cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe của tư nhân.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân cấp học bổng hoặc trợ cấp cho người học.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm cung cấp, xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm phạm, cản trở người cao tuổi thực hiện các quyền hợp pháp

1. Cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có trách nhiệm thông tin, thông báo tố giác hành vi xâm phạm, cản trở người cao tuổi thực hiện các quyền hợp pháp.

2. Bộ Y tế thiết lập tổng đài điện thoại quốc gia thường trực để tiếp nhận, tư vấn xử lý thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm phạm, cản trở người cao tuổi thực hiện các quyền hợp pháp.

Chương V

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DÂN SỐ

Điều 16. Biện pháp thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

1. Việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đối với nam, nữ được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 17. Biện pháp sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh

1. Việc sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật bẩm sinh trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Việc sàng lọc bệnh, tật bẩm sinh trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản do Ngân sách nhà nước bảo đảm.

3. Việc chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh thực hiện theo Luật khám bệnh, chữa bệnh.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương VI

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ

Điều 18. Nguồn tài chính cho công tác dân số

Các nguồn tài chính cho công tác dân số bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước.
2. Quỹ bảo hiểm y tế.
3. Kinh phí chi trả của người sử dụng dịch vụ.
4. Viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Ngân sách nhà nước chi cho công tác dân số

1. Chi cho cơ sở thực hiện việc cung cấp dịch vụ dân số thuộc danh mục dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ.
2. Chi hỗ trợ cơ sở thực hiện việc cung cấp dịch vụ dân số của Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm bảo đảm chi thường xuyên cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trong trường hợp không cân đối được chi thường xuyên.
3. Chi đầu tư phát triển cơ sở thực hiện việc cung cấp dịch vụ dân số theo quy định của pháp luật.
4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 202...;
2. Pháp lệnh Dân số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 03 tháng 6 năm 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;
3. Quy định ưu đãi về chế độ nghỉ thai sản tại điểm a, b khoản 1, chi hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật khi phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi tại điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 11, khoản 3 Điều 12 của Luật này được áp dụng ngay khi luật có hiệu lực thi hành.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến dân số

1. Bổ sung khoản 1 Điều 139 Bộ luật Lao động như sau: “Trường hợp lao động nữ sinh con thứ 02 (hai) thì người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng ngoài thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản”.
2. Bổ sung điểm a khoản 2 Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội như sau: “Trường hợp vợ sinh con thứ 02 (hai) được nghỉ thêm 05 ngày làm việc ngoài thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi vợ sinh con”.

3. Bổ sung khoản 13 Điều 76 Luật Nhà ở 2023 như sau: “Phụ nữ sinh đủ 02 con hoặc nam giới có 02 con đẻ mà không có vợ hoặc vợ đã chết chưa có nhà ở”.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm 20...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI